

Số: /GPMT-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 01 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 782/TTr-SNNMT ngày 31/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trung tâm y tế Nam Định (sau đây gọi là Trung tâm) địa chỉ trụ sở tại số 1B/282, đường Thái Bình, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Trung tâm y tế Nam Định (cơ sở 1) (sau đây gọi là cơ sở) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm y tế Nam Định (cơ sở 1).

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 1B/282, đường Thái Bình, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình.

1.3. Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế tỉnh Ninh Bình.

1.4. Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 997/NĐ-GPHĐ do Sở Y tế tỉnh Nam Định (nay là Sở Y tế tỉnh Ninh Bình) cấp ngày 13/11/2024.

1.5. Mã số thuế: 0600649276.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở khám chữa bệnh.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Diện tích: Cơ sở có diện tích 11.532,3 m² (theo trích lục đất được Sở Tài nguyên và Môi trường ký ngày 17/7/2023).

- Dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*); dự án đầu tư nhóm III (*theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường*).

- Quy mô, công suất tối đa: 130 giường bệnh.

- Phạm vi cấp giấy phép môi trường đối với hoạt động khám chữa bệnh của Trung tâm tại địa chỉ số 1B/282, đường Thái Bình, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình.

- Quy trình hoạt động: Bệnh nhân → Khám chẩn đoán bệnh → Nhập viện điều trị nội trú/Kê đơn điều trị ngoại trú/Chuyển tuyến → Xuất viện.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải (chất thải rắn y tế thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại), phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trung tâm y tế Nam Định

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm y tế Nam Định có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, hướng dẫn.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 1678/QĐ-STNMT ngày 07/10/2008 của Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh thương Agape”; Giấy xác nhận số 2300/XN-STNMT ngày 02/10/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án “Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa thành phố Nam Định” và các Giấy phép thành phần hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Giao Sở Nông Nghiệp và Môi trường, UBND phường Nam Định tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Trung tâm y tế Nam Định (cơ sở 1) hoạt động tại số 1B/282, đường Thái Bình, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Y tế;
- UBND phường Nam Định;
- Trung tâm y tế Nam Định;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VP3.

Q_VP3_ GPMT02

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Chức

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ các khu nhà vệ sinh.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu vực căng tin.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động tắm rửa và thoát sàn.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ khu giặt.
- Nguồn số 05: Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Thái Bình qua 01 cửa xả phía Tây Bắc cơ sở.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B) chảy ra cống thu gom thoát nước chung của khu vực trên đường Thái Bình qua 01 cửa xả phía Tây Bắc cơ sở.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 2261602$; $Y(m) = 624208$ (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3^0).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $50 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.4. Phương thức xả nước thải

Toàn bộ nước thải phát sinh (từ 05 nguồn) được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế $150 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B) được dẫn ra cống thoát nước chung của khu vực trên đường Thái Bình qua 01 cửa xả phía Tây Bắc cơ sở bằng phương pháp tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải

Gián đoạn trong ngày và không theo chu kỳ.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (Áp dụng $C_{\max} = C \times K$, áp dụng hệ số $K = 1,2$), cụ thể:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 28:2010/BTNMT (cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Không thuộc đối tượng phải lắp đặt
2	pH	-	6,5 - 8,5		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60		
4	COD	mg/l	120		
5	TSS	mg/l	120		
6	Sunfua (theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
8	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
9	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
11	Tổng coliforms	MPN/100ml	5.000		
12	Salmonella	VK/100ml	KPH		
13	Shigella	VK/100ml	KPH		
14	Vibrio cholerae	VK/100ml	KPH		

Khi có sự thay đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ hoạt động tắm rửa, giặt giũ của bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, nước thoát sàn nhà vệ sinh được thu gom theo đường ống PVC D150 mm chảy ra các hố ga ngoài nhà.

- Nước thải xả bồn cầu từ các khu vệ sinh tại các khoa phòng theo đường ống PVC D150 mm chảy xuống các bể tự hoại 3 ngăn (07 bể, tổng thể tích 84 m³) được xây dựng ngầm dưới khu vệ sinh các tòa nhà sau đó theo đường ống PVC D150 mm chảy ra các hố ga ngoài nhà.

- Nước thải y tế từ hoạt động của phòng xét nghiệm, phòng phẫu thuật,... được dẫn theo hệ thống ống nhựa PVC D90, D110 mm từ các phòng khám chữa bệnh từ các tầng và các tòa nhà chảy ra các hố ga ngoài nhà.

- Nước thải từ khu vực căng tin (chỉ phục vụ nước uống): Nước thải khu căng tin sau khi qua lưới chắn rác theo ống PVC D150 mm chảy ra các hố ga ngoài nhà.

Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở được thu gom và chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m³/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B) trước khi thải vào cống thoát nước chung của khu vực trên đường Thái Bình qua 01 cửa xả phía Tây Bắc cơ sở.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Hệ thống xử lý nước thải sơ bộ: Nước thải nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn, gồm 07 bể với tổng thể tích 84 m³.

- Công trình xử lý nước thải: Trung tâm đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 150 m³/ngày đêm với quy trình công nghệ xử lý như sau: Nước thải → Hố ga → Bể tách rác + lắng cát → Bể nén bùn → Bể điều hoà → Khoang chứa đệm vi sinh lưu động → Khoang tuần hoàn → Khoang lọc → Khoang khử trùng → Khoang chứa nước sau xử lý → Hố ga (Nước thải đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B)) → Cống thoát nước chung của khu vực trên đường Thái Bình qua 01 cửa xả phía Tây Bắc cơ sở.

- Công suất thiết kế: 150 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: TCCA 90% khoảng 60 kg/năm; chế phẩm vi sinh khoảng 28 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 cán bộ phụ trách vận hành giám sát hệ thống xử lý nước thải và được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành; theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành; tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành trạm xử lý nước thải.

- Theo dõi hoạt động, có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, Trung tâm tạm ngừng hệ thống xử lý, cử cán bộ kiểm tra, tìm nguyên nhân và khắc phục sự cố. Sau khi sự cố được khắc phục, nước thải xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B) mới cho thải ra ngoài cống thoát nước chung của khu vực trên đường Thái Bình.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ thì hệ thống xử lý nước thải của Trung tâm không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (do hệ thống xử lý nước thải của Trung tâm đã được xây dựng, lắp đặt và đi vào hoạt động ổn định từ năm 2013). Bệnh viện đa khoa thành phố Nam Định (nay là Trung tâm y tế Nam

Định (cơ sở 1)) đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo Giấy xác nhận số 2300/XN-STNMT ngày 02/10/2015.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm nước thải xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B) trước khi thải ra cống thoát nước chung của khu vực qua 01 cửa xả phía Tây Bắc cơ sở. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở. Có sổ nhật ký vận hành trạm xử lý.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Kể từ ngày 01/01/2032, cải tạo hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý nước thải đạt QCVN 40:2025/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Cam kết đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tập trung để đảm bảo nước thải sau xử lý QCVN 28:2010/BTNMT (cột A) khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn tỉnh.

- Chủ động, kiểm soát chất lượng nước thải thải ra sau hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra gây ảnh hưởng đến chất lượng nước thải sau xử lý, Trung tâm phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Nam Định để kịp thời xử lý./.

Phụ lục II
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn hoạt động với quy mô, công suất tối đa

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải y tế lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	NH	2.750
2	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế, huyết áp kế)	13 03 02	NH	0,5
3	Bao bì cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác	18 01 04	KS	150
4	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	12 06 05	KS	300
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	NH	3
6	Pin thải	16 01 12	NH	1
7	Dầu bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	NH	5
8	Giẻ lau thải nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	6
Tổng cộng				3.215,5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn y tế thông thường phát sinh

Chất thải rắn y tế thông thường phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh của cơ sở khoảng 3.285 kg/năm. Thành phần gồm: Vỏ đựng bơm kim tiêm, chai nhựa truyền dịch, chai đựng dung dịch không nguy hại, các vật liệu nhựa, giấy, bìa carton, vỏ hộp thuốc, can nhựa không chứa chất lây nhiễm,...

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 102 kg/ngày. Thành phần gồm: Giấy vụn, vỏ chai, thức ăn thừa, vỏ hoa quả...

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát

Không có vì toàn bộ chất thải phát sinh cơ sở quản lý như CTNH.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Tại mỗi khoa, phòng bố trí các loại túi màu đen đựng chất thải hóa học nguy hại: Nhiệt kế, huyết áp kế, hóa chất,... thải; túi màu vàng đựng các chất lây nhiễm: Băng, băng, gạc, bệnh phẩm,...

- Tại kho lưu giữ chất thải nguy hại: Bố trí 07 thùng chứa chất thải bằng nhựa, có nắp đậy kín dung tích từ 50 - 240 lít/thùng có dán tên, mã CTNH để lưu chứa riêng biệt các loại CTNH phát sinh.

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được lưu giữ tại bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút xử lý theo quy định.

2.1.2. Kho lưu chứa CTNH

- Bố trí 01 kho chứa CTNH có diện tích 15 m² tại vị trí giáp tường bao phía Bắc cơ sở. Kho được xây kín, có mái che, nền lát gạch, có cửa khóa, biển tên và biển cảnh báo.

- Trung tâm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định với tần suất là 02 ngày/lần.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

- Đối với chất thải y tế thông thường được thu gom và lưu giữ tại 01 khu chứa chất thải rắn y tế thông thường có diện tích 09 m² trong kho chứa chất thải rắn thông thường có diện tích 15 m² tại vị trí giáp tường bao phía Bắc cơ sở.

- Trung tâm đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế thông thường theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Rác thải sinh hoạt thu gom vào các thùng rác thải sinh hoạt dung tích 10 - 110 lít/thùng đặt tại các khoa, phòng, hành lang, sân đường, sau đó tập kết vào các thùng chứa rác thải sinh hoạt có dung tích 240 lít/thùng đặt trong khu chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 06 m² trong kho chứa chất thải rắn thông thường có diện tích 15 m².

- Trung tâm đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường

Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường

này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng kế hoạch ứng phó sự cố khác thì phải đảm bảo nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ

- Đã kiện toàn Ban chỉ đạo Phòng cháy chữa cháy (PCCC) và Cứu nạn cứu hộ tại cơ sở.

- Đã xây dựng kế hoạch thực hiện công tác Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ hằng năm, phương án chữa cháy cơ sở và phương án cứu nạn cứu hộ theo quy định.

- Mỗi tầng lắp đặt bộ nội quy, tiêu lệnh về PCCC phía trên hộp đựng bình chữa cháy.

- Ngoài ra, để đảm bảo an toàn cháy nổ cho hoạt động khám chữa bệnh, Trung tâm thực hiện các biện pháp sau:

- + Thực hiện nghiêm chỉnh nội quy an toàn cháy, nổ,...

- + Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công nhân viên phương pháp ứng cứu sự cố cháy nổ.

- + Hệ thống thiết bị được định kỳ kiểm tra chất lượng: Hệ thống ống bể nước PCCC, bình chữa cháy,...

- + Có các biển báo về an toàn PCCC: Cấm lửa, cấm hút thuốc,... đặt tại các vị trí dễ nhìn.

3. Biện pháp phòng ngừa sự cố hoá chất

Bố trí khu chứa hoá chất có diện tích 06 m²/khu tại nhà khoa dược, đảm bảo kho có nền cao, cửa khoá kín, có biển báo, cảnh báo theo quy định để chứa Javen. Đối với cồn 90⁰ và các loại sát khuẩn tay nhanh được lưu chứa tại kho của khoa dược. Đối với hóa chất khử trùng nước thải là TCCA 90% được lưu chứa trong thùng có nắp đậy kín đặt tại nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải

4. Biện pháp phòng ngừa sự cố dịch bệnh

- Trong quá trình khám chữa bệnh, các nhân viên y tế được trang bị đầy đủ quần áo bảo hộ theo đúng quy định.

- Kiểm tra sức khoẻ định kỳ cho toàn thể cán bộ, nhân viên y tế nhằm phát hiện kịp thời các bệnh nghề nghiệp để có phương án phòng và điều trị.

- Khi xảy ra dịch bệnh lan truyền nguy hiểm thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế./.

Phụ lục III

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trung tâm y tế Nam Định có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật đảm bảo đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường; chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực bệnh viện

- Công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của cơ sở hoặc tại trụ sở UBND phường nơi cơ sở hoạt động. Thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường.

- Bố trí đầy đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan (đất đai, xây dựng, quy hoạch,...).

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./